

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Trung ương đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm thuốc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Trung ương
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Khoa Dược - Bệnh viện Nhi Trung ương
- Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành - phường Láng - Hà Nội
- Điện thoại: 024.6273.8985

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Khuyến khích nhận báo giá theo hệ thống I-Office VNPT tới Bệnh viện Nhi Trung ương

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư Bệnh viện - Tầng 3 nhà 15 tầng Bệnh viện Nhi Trung ương;

- Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành - phường Láng - Hà Nội

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 9 giờ ngày 05/12/2025 đến 11 giờ 30 phút ngày 16/12/2025;

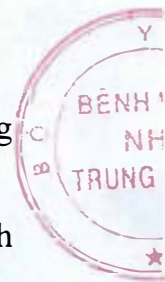
(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên có thể không được xem xét)

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 16/12/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thuốc mời chào giá: (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành – phường Láng - Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.



3. Thời gian giao nhận hàng hóa: Giao hàng theo từng đợt, trong vòng 05 - 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện, trừ trường hợp đặc biệt theo sự thỏa thuận của hai bên.

4. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Báo giá theo Biểu mẫu đính kèm;
- Tài liệu chứng minh tiêu chí kỹ thuật và việc lưu hành hợp pháp của thuốc có dấu xác nhận của công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh có dấu xác nhận của công ty (nếu có);
- Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng gần đây của thuốc (nếu có).
- Giấy giới thiệu + căn cước công dân của người nộp báo giá đối với hình thức nộp trực tiếp tại Bộ phận văn thư;

Trân trọng!



GIÁM ĐỐC

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Việt Hùng

Biểu mẫu

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP
Số công văn
Số điện thoại liên hệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ VÀ THÔNG TIN CUNG ỨNG THUỐC

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

....., ngày..... tháng..... năm

.....(tên đơn vị)..... có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh..... được cấp bởi.....Mã số thuế:

Căn cứ Yêu cầu báo giá ngày... tháng ... năm.... của Bệnh viện Nhi Trung ương và khả năng cung ứng của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý bệnh viện bảng Báo giá và khả năng cung ứng các mặt hàng như sau:

STT	STT trong phụ lục 1 yêu cầu báo giá	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Giấy phép lưu hành	Nhóm tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng có thể cung ứng	Đơn giá cung cấp sau VAT (đồng)	Chỉ định của thuốc cho trẻ em	Thông tin trúng thầu của thuốc (nếu có): Số quyết định/ ngày quyết định/ đơn vị trúng thầu.	Phạm vi kinh doanh của công ty
1	2	3	4	5	6	7	8	9*	10	11*	12	13	14*	15*

Ghi chú: Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bàn giao và các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)

Hiệu lực của báo giá:.....

ĐƠN VỊ CUNG CẤP

Mục 3,4,5,6,7,8: ghi đúng thông tin trong giấy phép lưu hành sản phẩm của thuốc.

9*: Phân nhóm theo quy định tại thông tư 40/2025/TT-BYT

(ký tên, đóng dấu)

11*: Ghi số lượng tối đa/ tối thiểu nhà thầu có thể cung ứng với mức giá đề xuất. Nếu không giới hạn số lượng, để trống mục này.

14*: gửi kèm Quyết định trúng thầu/ thông báo trúng thầu

15*: Nhà thầu điền phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược phù hợp với thuốc báo giá và gửi kèm bản photo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược hoặc tài liệu chứng minh thông tin đã kê khai tại mục 15.



PHỤ LỤC. DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Trung ương)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
1	Acid ascorbic (vitamin C)+Paracetamol	4	200mg+330mg	Uống	Viên sủi	Viên
2	Acid folic	Các nhóm TCKT	1mg	Uống	Viên	Viên
3	Acid folinic (dưới dạng calci folinat)	2	10mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
4	Acid Salicylic	4	0,25g/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp
5	Acid Tranexamic	1	10% 5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
6	Adrenalin	Các nhóm TCKT	0,15mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm/Bút tiêm/Xy lanh
7	Albendazol	BDG	200mg	Uống	Viên	Viên
8	Ambroxol hydroclorid	1	30mg/5ml x 120ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
9	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid	4	(7,5mg + 0,005mg)/5ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
10	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid	4	(7,5mg + 0,005mg)/5ml x 45ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
11	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid	4	(7,5mg + 0,005mg)/5ml x 90ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
12	Amoxicilin + acid clavulanic	2	(200mg + 28,5mg)/5ml x 60ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
13	Amoxicilin + acid clavulanic	2	(400mg+28.5mg)/5ml x 70ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
14	Amoxicilin + acid clavulanic	2	(600mg + 42,9mg)/5ml x 100ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
15	Amoxicilin + acid clavulanic	BDG	(600mg + 42,9mg)/5ml x 100ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
16	Amoxicilin + acid clavulanic	BDG	(600mg + 42,9mg)/5ml x 50ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
17	Arginin hydroclorid	4	1g/10ml x 150ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
18	Atracurium besylat	BDG	10mg/ml x 2,5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
19	Avalglucosidase alfa-ngpt	Các nhóm TCKT	100mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
20	Azithromycin	1	250mg	Uống	Viên	Viên
21	Bacillus subtilis	4	10 ⁶ -10 ⁷ CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi
22	Bacillus subtilis	4	10 ⁶ -10 ⁷ CFU	Uống	Viên nang	Viên
23	Betamethasone dipropionate + Salicylic acid	2	(6,4mg + 300mg)/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/gói/ống/túi/tuýp

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
24	Bilastin	4	2,5mg/ml x 120ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
25	Bromhexin hydrochlorid + Guaiphenesin + Menthol + Terbutalin Sulphate	5	(2mg + 50mg + 0,5mg + 1,25mg)/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
26	Bromhexin hydrochlorid	2	4mg/5ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
27	Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrate)	4	65mg/ml x8ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
28	Calci carbonat + Vitamin D3	4	Calci carbonat 1250mg + Vitamin D3 400 IU	Uống	Viên	Viên
29	Calci gluconat + Vitamin D3 (cholecalciferol)	4	(500mg + 200IU)/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
30	Calcium Edetate	Các nhóm TCKT	5% 10ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
31	Cefdinir	5	125mg/5ml x 70ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
32	Cefditoren	4	100mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi
33	Cefditoren	2	200mg	Uống	Viên	Viên
34	Cefditoren	4	50mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên
35	Cefixim	2	100mg/5ml x 50ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
36	Cefixim	1	100mg/5ml x 60ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
37	Cefprozil	2	250mg/5ml x 100ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
38	Cefprozil	4	250mg/5ml x 60ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ
39	Ceftibuten	4	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi
40	Cerebrolysin	BDG	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
41	Chiết xuất mật bụi nhà Dermatophagoides pteronyssinus và Dermatophagoides farinae	5	12 SQ-HDM	Ngậm dưới lưỡi	Viên	Viên
42	Citicolin (dưới dạng Citicolin Natri)	4	500mg	Uống	Viên	Viên
43	Cladribine	Các nhóm TCKT	2mg/ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
44	Clorpheniramin maleat + Dextromethorphan hydrobromid + paracetamol + phenylephrin hydrochlorid	4	1mg+5mg+160mg+2,5mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi
45	Clotrimazol+ Hydrocortison	2	(10mg + 10mg)/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/gói/ống/túi i/tuýp
46	Cyclophosphamid	1	200 mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
47	Cytarabin	4	50mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
48	Dacarbazin	4	100mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
49	Dantrolen	Các nhóm TCKT	20mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
50	Desloratadin	1	2,5mg/5ml x100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
51	Desloratadin	4	2,5mg/5ml x 75ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
52	Dextromethorphan hydrobromid	1	1,5mg/ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
53	Dextromethorphan hydrobromid	1	1,5mg/ml x 125ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
54	Diazoxide	Các nhóm TCKT	25mg	Uống	Viên	Viên
55	Domperidon	4	5mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	viên
56	Dung dịch thẩm phân màng bụng (Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 1,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg)	2	(Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 1,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg), 1,5% x 5 lít	Đường tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Chai/lọ/ống/túi
57	Dung dịch thẩm phân màng bụng (Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 1,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg)	2	(Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 1,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg), 1,5% x2 lít	Đường tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Chai/lọ/ống/túi
58	Dung dịch thẩm phân màng bụng (Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 1,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg)	2	(Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 2,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg), 2,5%, 5 lít	Đường tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Chai/lọ/ống/túi
59	Elosulfase alfa	Các nhóm TCKT	1mg/ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
60	Esmolol	Các nhóm TCKT	20mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
61	Ethyl cysteinat dimer (EDC)	các nhóm TCKT	Các nồng độ HL	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
62	Evolocumab	Các nhóm TCKT	140mg/ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
63	Fludarabin phosphat	Các nhóm TCKT	10mg	Uống	Viên	Viên
64	Fusidic acid + betamethason (dưới dạng betamethason valerat)	1	(20mg+1mg)/g x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/gói/ống/túi/tuýp
65	Fusidic acid + hydrocortison acetat	4	(20mg + 10mg)/g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/gói/ống/túi/tuýp
66	Galsulfase	Các nhóm TCKT	5mg/5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
67	Ginkgo biloba; Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin PP	4	40mg; 10mg; 5mg; 5mg; 10mg	Uống	Viên nang	Viên
68	Glucagon	1	1mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
69	Glycopyrrolate	Các nhóm TCKT	0,2 mg/mL x 5 ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
70	Hepatobiliary Iminodiacetic (HIDA)	các nhóm TCKT	Các nồng độ HL	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
71	Hexamethylpropylencamine oxime (HMPAO)	các nhóm TCKT	Các nồng độ HL	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
72	Huyết thanh kháng nọc rắn cạp nia	Các nhóm TCKT	1.000 LD50	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
73	Hydrocortison	4	5mg	Uống	Viên	Viên
74	Ibuprofen	1	100mg/5ml x 150ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
75	Ibuprofen + Paracetamol	4	200mg + 325mg	Uống	Viên	Viên
76	Idursulfase	Các nhóm TCKT	6mg/3ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
77	Iod (dưới dạng Iopamidol)	BDG	370mg/ml (tương đương 755mg/ml) x50 ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
78	Isoproterenol HCl	Các nhóm TCKT	0,2 mg/1ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
79	Itraconazol	Các nhóm TCKT	10mg/ml x 25ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
80	Kẽm (dưới dạng kẽm sulfat heptahydrat)	4	10mg/5ml x 15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
81	Kháng độc tố Botilium	Các nhóm TCKT	1mg/ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
82	L-Arginin-L-Aspartat	4	500mg/ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
83	Leucin	Các nhóm TCKT	100mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi
84	Levodropropizin	4	60mg/ml x 15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
85	Levodropropizin	4	60mg/ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
86	Levofloxacin	4	250mg/5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
87	L-lysine hydroclorid; Vitamin B1; Vitamin B6;	4	(300mg + 20mg + 20mg + 15mcg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
88	Magnesi(dưới dạng Magnesi lactat dihydrat) + Vitamin B6 (Pyridoxin HCL)	2	(470mg + 5mg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
89	Mecasermin	5	10mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
90	Melphalan	1	50mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
91	Metronidazole	5	20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/gói/ống/túi/tuýp
92	Mitomycin C	5	10mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
93	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	1	(9,5g+ 3,5g)/59ml x 66ml	Thụt trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai/Lọ

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
94	Natri borat, glycerin	các nhóm TCKT	Các nồng độ HL	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/ống/túi
95	Natri clorid	4	540mg/60ml x 90ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Chai/lọ
96	Natri tetraborat	Các nhóm TCKT	3% (w/v); 10ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	chai/lọ
97	Nirsevimab	5	100mg/1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm/Bút tiêm/Xy lanh
98	Nirsevimab	5	50mg/0,5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm/Bút tiêm/Xy lanh
99	Nusinersen	Các nhóm TCKT	12mg/5ml	Tiêm tủy sống	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
100	Oxcarbazepin	4	60mg/ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
101	Oxcarbazepin	4	60mg/ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
102	Oxcarbazepin	4	60mg/ml x 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
103	Paracetamol	4	120mg/5ml x 15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
104	Paracetamol + Phenylephrin HCl	4	500mg + 10mg	Uống	Viên	Viên
105	Phenobarbital	5	200mg/1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
106	Phenylephrin	Các nhóm TCKT	10 mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
107	Phenytoin	Các nhóm TCKT	50mg/mlx 5ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
108	Piracetam	2	1200 mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi
109	Piracetam	4	333,3mg/ml x 125ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/hộp
110	Piracetam	4	800mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
111	Polymyxin B	các nhóm TCKT	500000 UI	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
112	Prednisolon	4	2,5mg	Uống	Viên	Viên
113	Prednisolon	Các nhóm TCKT	5mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
114	Prostaglandin E1 (Alprostadil)	1	500mcg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
115	Ranibizumab	Các nhóm TCKT	10mg/ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
116	Risdiplam	Các nhóm TCKT	60mg/80ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	chai/lọ
117	Salbutamol	BDG	1mg/ml x 2,5ml	Đường hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Ống/ lọ/ nang
118	Salicylic acid	1	150,9mg/mlx 10ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ/gói/ống/túi/tuýp

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
119	Sapropterin dihydrochloride (BH4)	Các nhóm TCKT	100mg	Uống	Viên	Viên
120	Sắt (dưới dạng sắt protein succinylat)	4	20mg/7,5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
121	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	4	40mg/15ml x 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/túi/gói
122	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	4	40mg/15ml x 7,5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống/gói/túi
123	Sodium Benzoat	Các nhóm TCKT	500mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
124	Sodium Thiosulfate	Các nhóm TCKT	250mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
125	Somatropin	1	4mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
126	Sorbitol+ natri citrat	4	(50% + 7.2%) x 5g	Đường hậu môn/ trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai/lọ/gói/ống/túi/tuýp
127	Succimer	Các nhóm TCKT	1mg/ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
128	Sulfur Colloid	các nhóm TCKT	Các nồng độ hàm lượng	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
129	Terbutalin sufat+ Guaifenesin	4	(1,5mg + 66,5mg)/5ml x60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/túi
130	Than hoạt thảo mộc	4	100mg	Uống	Viên	Viên
131	Thuốc tím KMnO4	5	1g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Gói/túi
132	Tofacitinib	Các nhóm TCKT	5mg	Uống	viên	Viên
133	Topotecan	các nhóm TCKT	1mg/mlx 4ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
134	Tosufloxacin	Các nhóm TCKT	Các nồng độ hàm lượng	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
135	Trichloroacetic acid	Các nhóm TCKT	50%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	ml
136	Trichloroacetic acid	Các nhóm TCKT	80%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	ml
137	Trihexyphenidyl	Các nhóm TCKT	10mg	Uống	viên	Viên
138	Ursodeoxycholic acid	4	250mg/5ml x60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
139	Vắc xin phòng bệnh đường hô hấp dưới do RSV gây ra	các nhóm TCKT	Một liều (0,5ml sau khi hoàn nguyên) chứa: Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm A 0,06mg; Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm B 0,06mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/hộp bơm tiêm/bút tiêm

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
140	Vắc xin phòng bệnh đường hô hấp dưới do RSV gây ra (Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa 120mcg Kháng nguyên RSVPreF3 được bổ trợ với AS01E. RSVPreF3: Glycoprotein F của vi-rút hợp bào hô hấp (RSV) ổn định ở dạng tiền hợp nhất RSVPreF3. Hệ thống chất bổ trợ AS01E gồm chiết xuất từ cây Quillaja Saponaria Molina, phân đoạn 21 (QS-21) 25mcg và 3-O-desacyl-4'-monophosphoryl lipid A (MPL) từ Salmonella Minnesota 25 mcg)	các nhóm TCKT	Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa 120mcg Kháng nguyên RSVPreF3 được bổ trợ với AS01E. RSVPreF3: Glycoprotein F của vi-rút hợp bào hô hấp (RSV) ổn định ở dạng tiền hợp nhất RSVPreF3. Hệ thống chất bổ trợ AS01E gồm chiết xuất từ cây Quillaja Saponaria Molina, phân đoạn 21 (QS-21) 25mcg và 3-O-desacyl-4'-monophosphoryl lipid A (MPL) từ Salmonella Minnesota 25 mcg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/hộp
141	Vắc xin phòng bệnh não mô cầu xâm lấn do Neisseria meningitidis nhóm A, C, W-135 và Y	các nhóm TCKT	Sau khi hoàn nguyên, mỗi liều (0,5ml) chứa Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm A (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSA ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm C (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSC ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm W-135 (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSW ~ 7,5mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm Y (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn ván (chất mang)) 5mcg PSY ~ 6,5mcg TT	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/hộp/bơm tiêm/bút tiêm
142	Vắc xin phòng bệnh sởi, quai bị, rubella, thủy đậu	các nhóm TCKT	Liều 0,5ml chứa: - Vi-rút sởi $\geq 3,00$ log TCID ₅₀ ; - Vi-rút quai bị $\geq 4,30$ log TCID ₅₀ ; - Vi-rút Rubella $\geq 3,00$ log TCID ₅₀ ; - Vi-rút thủy đậu $\geq 3,99$ log PFU	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/hộp/bơm tiêm/bút tiêm
143	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	các nhóm TCKT	Mỗi 0,5ml vắc xin sau khi hoàn nguyên chứa Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực (Chủng: MAV/06, dòng tế bào: MRC-5) ≥ 3.800 PFU	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi/hộp
144	Vắc xin phòng Thủy đậu	5	≥ 10 mã 3,3 PFU	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
145	Valin	Các nhóm TCKT	100mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi
146	Vaselin	5	49g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	
147	Vermurafenib	các nhóm TCKT	240mg	Uống	Viên	Viên
148	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat)+Vitamin B2(Riboflavin natri phosphat)+Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid)+Vitamin PP (Nicotinamid)+ Dexphanthenol	4	(5mg+ 2,74mg +2mg+ 20mg+ 3mg)/5ml x 120ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
149	Vitamin C (Acid ascorbic)	4	100mg/5ml x 120ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ
150	Voriconazol	5	200mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/túi
151	Warfarin natri	2	2mg	Uống	Viên	Viên

GIÁM ĐỐC



K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Việt Hùng